

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
GHI TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN MÔN HỌC

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN (Đề thi lần 1)
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Ngoại ngữ 2 - Nhật 2		
Mã học phần:	24171TOUR10063	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	241_71TOUR10063_01		
Hình thức thi: Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
☐ Đề thi có sử dụng phần mềm riêng	GV ghi cụ thể tên phần mềm:		
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☐ Có	☒ Không	

Giảng viên nộp đề thi, đáp án bao gồm cả **Lần 1 và Lần 2 trước ngày 17/11/2024.**

Cách thức nộp bài (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):

Gợi ý:

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;
- Upload file bài làm (word, excel, pdf...);
- Upload hình ảnh bài làm (chỉ những trường hợp vẽ biểu đồ, công thức tính toán đặc biệt).

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman

- Size: 13

- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TUL_De 1

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TUL_De 1_Mã đề (**Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi**).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (**nén lại và đặt mật khẩu file nén**) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Sử dụng được câu động từ đơn giản để diễn tả một số hoạt động thường ngày như ăn uống, học tập, làm việc; nêu cảm nhận về các sự việc gần gũi trong cuộc sống bằng mẫu câu sử dụng tính từ như: ngon, dở, khó, dễ...	Tự luận	60%	Mondai 1, 5,6,7	60	
CLO2	Đàm thoại về các chủ đề như các hoạt động thường ngày như ăn uống, mua sắm... và nêu các cảm nhận cơ bản	Tự luận	40%	Mondai 2,3,4	40	

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình,..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

Mondai 1: Hãy điền trợ từ thích hợp vào chỗ trống (1điểm x 20 = 20điểm).

1. えきのまえ () イーさん () あいました。
2. わたしはかしゃのひと () おみやげ () もらいました。
3. わたしは ともだち () CD () かりました。
4. こうえん () しゃしん () 取りました。
5. せんしゅうのにちようび () かのじょ () コーヒー ()
のみました。
6. だいがく () しょくどう () 10 じ () 2 じ () です。
7. ラジオ () えいご () ベンキョウしました。
8. あさって かぞく () かんこく () いきます。
9. テストは9 じ () おわります。

Mondai 2: Hãy điền nghi vấn từ thích hợp vào dấu ngoặc [] (2điểm * 5 = 10 điểm)

1. まいばん [] に ねますか。 . . . 10 じに ねます。
2. あした [] をしますか。 . . . ともだちとサッカーをします。
3. [] ^{にほん}日本へ^き来ましたか。 . . . 8月17日^{がつ}に^{にち}来^きました。
4. あなたのへやは[] へやですか。 . . . ちいさいへやです。
5. このとけいは [] にもらいましたか。
. . . おかあさんに もらいました。

Mondai 3: Chọn từ vựng đúng nhất điền vào ô trống (2điểm * 10 = 20 điểm)

おながく しょくどう ロビー ネクタイ ふね かぞく

1. きのうの ごご うちに_____ をききました。
2. まいにち 12 じに_____ で ひるごはんを たべます。
3. きのう デパートで_____ をかいました。
4. まいあさ _____ でしんぶんを よみます。
5. せんしゅう _____ でおきなわへ いました。

みます たべます のみます きます とります あいます

6. ともだちは こんしゅうのどようびに うちへ _____ 。
7. にわで しゃしんを _____ 。
8. いつも うちで ばんごはんを_____ 。
9. ^{わたし}私は あした ぎんざで チャチャイさんに _____ 。
10. まいあさ ぎゅうにゅうを_____ 。

Mondai 4: Hãy đổi động từ trong ngoặc sang hình thức phù hợp (2điểm * 5 = 10 điểm)

1. おととい [^{やす}休みます・・・ _____] 。
2. ^{にちようび}日曜日 ^{はたら}働きますか。
 ・・・いいえ、 [^{はたら}働きます・・・ _____] 。
3. きのう ^{べんきょう}勉強しましたか。
 ・・・いいえ、 [^{べんきょう}勉強します・・・ _____] 。
4. きのうの ^{ばんてがみ}晩手紙を [^か書きます・・・ _____] 。
5. いっしょにお酒を [^{さけ}飲みます・・・ _____] か。

Mondai 5: Hãy xem câu ví dụ và viết câu trả lời cho phù hợp (3điểm * 5 = 15 điểm)

例：日本語はむずかしいですか。...はい、とても むずかしいです。

...いいえ、あまり むずかしくありません。

1. このへんはべんりですか。...いいえ、あまり _____。
2. あなたのまちはにぎやかですか。...はい、とても _____。
3. にほんりょうりはおいしいですか。...はい、とても _____。
4. ちゅうごくのバイクはいいですか。...いいえ、あまり _____。
5. ベトナムはいまあついですか。...いいえ、あまり _____。

Mondai 6: Sắp xếp lại trật tự các từ sao cho thành câu có nghĩa (3điểm * 5 = 15 điểm)

れい： これ／ です／ ほん／ は → これは ほんです。

1. スプーンと／ごはんを／インドネシア人は／フォークで／たべます

2. かれと／ スーパーへ／ こんばん／ いきます

3. せいかつは／日本の／たのしいです／いそがしいですが

4. にぎやかな／とうきょうは／です／とても／まち

5. うちへ／きのうの／ばん／かえりましたか／なんじに

Mondai 7: Hãy trả lời các câu hỏi sau đây (5điểm * 2 = 10 điểm)

1. きょねんの クリスマスに だれに なにを もらいましたか。

2. ホーチミンは どんな まちですか。

ĐÁP ÁP VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Tự luận			
Mondai 1	で・に・に・を・に・を・で・ を・に・と・を・の・は・か ら・まで・で・を・と・へ・に	20	
Mondai 2	なんじ・なに・いつ／なんがつ なんにち・どんな・だれ	10	
Mondai 3	おんがく・しょくどう・ネクタイ・ロビー・ふね きます・とります・たべます・ あいます・のみます	20	
Mondai 4	やすみました・はたらきませ ん・べんきょうしませんでした た・かきました・のみませんか	10	
Mondai 5	べんりじゃありません・にぎやかで す・おいしいです・よくないです・ あつくないです	15	
Mondai 6	1. インドネシア人はスプーンとフ ォークでごはんを食べます 2. こんばんかれとスーパーへい きます 3. にほんのせいかつはいそがし いですが、たのしいです 4. とうきょうはにぎやかなまち です。 5. きょうのばんなんじにうちへか えりましたか。	15	
Mondai 7	例 1) かれにカードをもらいま した。 例 2) にぎやかなまちです。	10	

.....			
	Điểm tổng	100	

Người duyệt đề



Ths. Nguyễn Vũ Quỳnh Thi

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2024

Giảng viên ra đề



Đinh Thị Lệ Thu